

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM - ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2020
“ V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đức Hạnh.

2. Ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1, *Nguyên đơn:* Ngân hàng N .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị A - Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Y - Vĩnh Phúc II (Văn bản uỷ quyền số 2965 ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo uỷ quyền lại của bà A: Bà Nguyễn Thị G - Phó phòng phụ trách kế hoạch kinh doanh - Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Y - Vĩnh Phúc II (Văn bản uỷ quyền số 04/GUQ ngày 10/02/2020) (có mặt).

Địa chỉ: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2, *Bị đơn:* Công ty TNHH sản xuất và thương mại M.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1971 (có mặt).

3, *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1971 (có mặt).

- 3.2 Bà Lê Thị V, sinh năm 1973 (vắng mặt);
 - 3.3 Anh Nguyễn Chung Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt);
 - 3.4 Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994 (vắng mặt);
 - 3.5 Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 (vắng mặt);
 - 3.6 Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1965 (vắng mặt);
 - 3.7 Bà Lê Thị E, sinh năm 1968 (vắng mặt);
 - 3.8 Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt);
 - 3.9 Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt);
 - 3.10 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (vắng mặt);
 - 3.11 Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1995 (vắng mặt);
 - 3.12 Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 (vắng mặt);
 - 3.13 Bà Lê Thị D, sinh năm 1971 (vắng mặt);
 - 3.14 Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1992 (vắng mặt);
 - 3.15 Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1994 (vắng mặt);
 - 3.16 Chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1996 (vắng mặt);
- Cùng trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 của Ngân hàng N, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Căn cứ chế độ tín dụng hiện hành, Ngân hàng N - Chi nhánh Yên Lạc Vĩnh Phúc II - Phòng giao dịch L (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại M (gọi tắt là Công ty M) vay vốn kinh doanh theo hợp đồng tín dụng số: 02/2011/HĐTD ngày 16/02/2011. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho Công ty M vay vốn hạn mức tối đa là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay ghi trên giấy nhận nợ tối đa là 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là: Sản xuất sơn trang trí xây dựng và bột bả xây dựng; lãi suất cho vay khi nhận nợ là 18,5%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc theo giấy nhận nợ là ngày 18/01/2013 và ngày 19/01/2013. Trả lãi vào ngày 15 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên Công ty M đã thế chấp tài sản tại 04 hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 402.1, tờ bản đồ số 12, diện tích 138m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462633, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 15/8/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng

khoảng 300m². Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 04/PLHĐ ngày 10/11/2016.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 35, diện tích 267m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 690988, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 16/10/2000 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn V1. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp 4 lợp ngói, diện tích xây dựng khoảng 60m². Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/HĐTC ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 531, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB213674, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 21/4/2010 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị V. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xưởng, Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/HĐTC ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 35, diện tích 247m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 690624, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 16/10/2000 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp 4 lợp ngói, diện tích xây dựng khoảng 60m². Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M vay tiền nhiều lần, lần cuối thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 18/01/2012, Công ty M nhận nợ 1.500.000.000 đồng; ngày 19/01/2012, Công ty M nhận nợ 1.500.000.000 đồng. Công ty M đã nhận đủ 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) bằng hình thức chuyển khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Công ty M mới trả được tiền gốc là 1.170.490.000 đồng và tiền lãi là 615.499.999 đồng. Ngân hàng đã cho Công ty M rút tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 06/HĐTC, tài sản thế chấp là thửa đất số 531, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² mang tên ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị V.

Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 20/01/2013, toàn bộ khoản vay đã phải chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 25/12/2014. Tính đến ngày 16/7/2020, Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền là: 5.210.043.541 đồng trong đó nợ gốc là: 1.829.510.000 đồng; nợ lãi là 3.380.533.541 đồng (trong đó lãi trong hạn là 2.479.189.028 đồng và lãi quá hạn là 901.344.513 đồng). Đến nay Ngân hàng yêu cầu Công ty M phải trả nợ toàn bộ tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 16/7/2020 là 5.210.043.541 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi trả nợ cho Ngân hàng. Nếu không trả được nợ Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông P, bà V theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 402.1, tờ bản đồ số 12, diện tích 138m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462633, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 15/8/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 300m².

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản không đủ trả hết số nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng thì Công ty M vẫn phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng bằng các nguồn thu hoặc bằng tài sản khác của Công ty M.

Đối với tài sản thế chấp của ông V1, bà E; ông C, bà D ngày 14/5/2020 Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với hai tài sản này.

Bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại M do ông Nguyễn Văn P - Giám đốc là đại diện theo pháp luật và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và việc thực hiện hợp đồng tín dụng trả gốc, trả lãi tiền vay, rút một tài sản bảo đảm như đại diện ngân hàng trình bày là đúng:

Đến nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty M trả nợ tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 16/7/2020 là 5.210.043.541 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí khác theo quy định của Ngân hàng. Nếu không trả được nợ Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất số 04 ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 402.1, tờ bản đồ số 12, diện tích 138m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462633, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 15/8/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 300 m². Ông không có ý kiến gì về số tiền gốc được vay, việc trả nợ gốc, trả nợ lãi. Ông đề nghị Ngân hàng cho doanh nghiệp miễn tiền lãi để doanh nghiệp có hướng xử lý tài sản trả tiền gốc cho ngân hàng, ông

không đồng ý xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông trong trường hợp Công ty M không trả được nợ cho Ngân hàng. Đối với vợ ông là bà Lê Thị V, các con là Nguyễn Chung Đ, Nguyễn Văn B, và Nguyễn Văn Q, ông đã nhận thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án cho vợ và các con ông nhưng do bận công việc nên không ai đến Tòa án làm việc được.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2020 ông Nguyễn Văn V1 trình bày: Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án báo gọi ông, vợ ông là bà E; các con ông là chị H, chị N, chị L, anh K về việc Ngân hàng N khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng với công ty M, nhưng do bận công việc nên hôm nay chỉ ông đến Tòa án làm việc. Ông cho ông P mượn tài sản để thế chấp vay vốn Ngân hàng N từ khoảng từ năm 2007. Lần cuối cùng vào ngày 16/02/2011 vợ chồng ông cho ông P mượn tài sản để vay vốn Ngân hàng tại hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 16/02/2011. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 267m² đất tại thửa số 20 tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 690988 do UBND huyện Y cấp ngày 16/10/2000 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn V1. Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty M, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y. Tài sản trên đất là nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 60m². Bộ tài sản thế chấp là của vợ chồng ông. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng công ty M sử dụng vốn vay, gia đình ông chỉ cho mượn tài sản để thế chấp. Từ năm 2011 đến nay Công ty M chưa trả hết nợ cho Ngân hàng nên chưa trả tài sản bảo đảm cho ông. Đến nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty M trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty M không trả nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng. Ông đề nghị ông chỉ cho ông P mượn tài sản để đảm bảo cho khoản vay 150.000.000 đồng, nhưng không hiểu sao Ngân hàng lại cho Công ty M vay 500.000.000 đồng. Ông đề nghị giữa Ngân hàng và ông P giải quyết để trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tài sản thế chấp là của vợ chồng ông các con ông không có quyền lợi hay công sức đóng góp gì.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị V, anh Nguyễn Chung Đ; anh Nguyễn Văn B; anh Nguyễn Văn Q; bà Lê Thị E; chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị L; anh Nguyễn Duy K, ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị X1. Tòa án báo gọi nhiều lần các đương sự không đến Tòa làm việc. Tòa án về địa phương và gia đình ông P, ông V1, ông C nhưng các đương sự đều vắng mặt nên không lấy được lời khai của các đương sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC tương ứng với nghĩa vụ trả nợ tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng trên số dư nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng N - Chi nhánh Yên Lạc Vĩnh Phúc II khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại M, bị đơn có địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc trả nợ số tiền vay của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 16/02/2011 đại diện Công ty M ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Công ty M không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty M trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng N với bị đơn Công ty M phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng từ năm 2011. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 10/02/2020 Ngân hàng có đơn khởi kiện đến Tòa án, hợp đồng tín dụng vẫn đang thực hiện. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 16/02/2011 đại diện Công ty M ký hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD với Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho Công ty M vay vốn số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), mục đích sử dụng tiền vay là: Sản xuất sơn trang trí xây dựng và bột bả xây dựng; lãi suất cho vay khi nhận nợ là 18,5%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc theo giấy nhận nợ là ngày 18/01/2013 và ngày 19/01/2013. Trả

lãi vào ngày 15 hàng tháng. Tài sản thế chấp đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P; hộ ông Nguyễn Văn V1 và hộ ông Nguyễn Văn C.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M vay đủ số tiền là 3.000.000.000 đồng tiền gốc thể hiện tại 02 giấy nhận nợ ngày 18/01/2012 và ngày 19/01/2012. Công ty M đã nhận đủ số tiền được vay và đã trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc là 1.170.490.000 đồng và tiền lãi là 615.499.999 đồng. Ngân hàng đã cho Công ty M rút tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 06/HĐTC, tài sản thế chấp là thửa đất số 531, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² mang tên ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị V.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty M trả nợ cho ngân hàng tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD ngày 16/02/2011. Trường hợp Công ty M không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC ngày 16/02/2011 tài sản thế chấp đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P. Nếu số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì Công ty M vẫn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đứng tên hộ ông Nguyễn Văn V1 và tài sản bảo đảm đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C.

Do Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ trên số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 16/7/2020 và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/7/2020 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 16/02/2011 mang tên hộ ông Nguyễn Văn V1 và hợp đồng thế chấp tài sản số 07/HĐTC ngày 16/02/2011 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C đại diện Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và tiền lãi, lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 16/7/2020 là 5.210.043.541 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.829.510.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.479.189.028 đồng và lãi quá hạn là 901.344.513 đồng). Trường hợp công ty M không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa đất số 402.1, tờ bản đồ số 12, diện tích 138m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462633, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 15/8/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 02 tầng,

diện tích xây dựng khoảng 300m² theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC ngày 16/02/2011 được ký giữa ông P và các thành viên trong gia đình ông P với ngân hàng sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho khoản vay tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi trên số dư nợ gốc cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 1.000.000 đồng, đại diện ngân hàng xin chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ngân hàng.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì công ty M phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là đồng = 112.000.000 đồng + (1.210.043.541 đồng x 0,1%) = 113.210.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 322, 323, 463, 465, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1, Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 16/02/2011, tài sản thế chấp đứng tên hộ ông Nguyễn Văn V1 và tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07/HĐTC ngày 16/02/2011, tài sản thế chấp đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C.

2, Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại M phải trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh Yên Lạc Vĩnh Phúc II tổng số tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD ngày 16/02/2011 tính đến hết ngày 16/7/2020 là 5.210.043.541 đồng (Năm tỷ hai trăm mười triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn một đồng), trong đó tiền gốc là 1.829.510.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 2.479.189.028 đồng, tiền lãi quá hạn là 901.344.513 đồng. Công ty TNHH sản xuất và thương mại M phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2020 đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD ngày 16/02/2011 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

3, Trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại M không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh Yên Lạc - Vĩnh Phúc II theo hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD ngày 16/02/2011 thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa đất số 402.1, tờ bản đồ số 12, diện tích 138m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462633, nơi cấp: UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 15/8/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 300m² theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC ngày 16/02/2011 sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng đối với số tiền bảo đảm là 1.300.000.000 đồng tiền gốc và 2.402.114.000 đồng tiền lãi trên số tiền gốc được bảo đảm của hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC ngày 16/02/2011 và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc được bảo đảm kể từ sau ngày xét xử cho đến khi xử lý tài sản bảo đảm.

Nếu số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH sản xuất và thương mại M vẫn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐTD ngày 16/02/2011 cho đến khi trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

4, Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Y - Vĩnh Phúc II xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng về thẩm định tài sản số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) Ngân hàng đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

5, Về án phí: Công ty TNHH sản xuất và thương mại M phải chịu 113.210.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm mười nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng N - Chi nhánh Yên Lạc - Vĩnh Phúc II: 56.520.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005591 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh